TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8-2021
V/v: *Ly hôn, nuôi con chung giữa chị A và anh C.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 15, thị trấn B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; "vắng mặt có lý do";

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn C (tên gọi khác: D), sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 15, thị trấn B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; "vắng mặt lần hai không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21 tháng 6 năm 2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn C (tên gọi khác: D) tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E (nay là thị trấn B), huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định vào ngày 02/01/1997. Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở thị trấn B nhưng cuộc sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, ngoài ra còn do anh C chơi bài bạc, quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác.

Vì các con chị tha thứ cho anh C hết lần này đến lần khác nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy khiến cuộc sống của chị rất mệt mỏi và nặng nề. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Diệu H, sinh ngày 07/10/1997 hiện đã thành niên có khả năng lao động tự lập được và Trần Nguyên G, sinh ngày 17/8/2004 hiện đang cùng anh C. Khi ly hôn, chị A nhận tiếp tục trực tiếp nuôi cháu G, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Trần Văn C (tên gọi khác: D) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị A kết hôn với nhau ngày 02/01/1997 trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, nhiều khi chưa quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị A và anh sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay anh C xác định vợ chồng vẫn còn cơ hội chung sống hạnh phúc nên không nhất trí ly hôn chị A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị A trình bày là đúng. Con chung Trần Diệu H đã thành niên, lao động tự lập được. Vợ chồng ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Nguyên G, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn C (tên gọi khác: D) là hợp pháp, được xác lập từ ngày 02/01/1997. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị A là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm và do anh C chơi bài bạc, quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác; theo anh C là do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi vã, nhiều khi chưa quan tâm chăm sóc cho nhau và anh không nhất trí ly hôn chị A.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A thấy: Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai bên không thông cảm chia sẻ với nhau và đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống cùng nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Anh C muốn đoàn tụ nhưng lại không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Trần Văn C (tên gọi khác: D) là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh C có 2 con chung là Trần Diệu H, sinh ngày 07/10/1997 hiện đã thành niên có khả năng lao động tự lập được và Trần Nguyên G, sinh ngày 17/8/2004 hiện đang cùng anh C. Khi ly hôn cả chị A và anh C đều có nguyện vọng nuôi cháu G, không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Cháu G có ý kiến không ở với bố, mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét điều kiện, hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của các bên thì thấy: Mong muốn nuôi con là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ, cháu G ở với anh C từ khi vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Để phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện nay và phù hợp với tâm lý của con chung là con trai, cần có sự quan tâm chăm sóc của bố nên cần giao cháu Long cho anh C nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh C và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn C (tên gọi khác: D).

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyên G, sinh ngày 17/8/2004 cho anh Trần Văn C (tên gọi khác: D) tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh C, được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002692 ngày 07/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyễn đơn chị Nguyễn Thị A và bị đơn anh Trần Văn C có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND TT B: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng